

Số: 966/TB-THADS.KV10

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 04 năm 2026

THÔNG BÁO
Thông báo v/v bán đấu giá

Căn cứ Bản án số 22/2024/KDTM.ST ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 1493/QĐ-CCTHADS ngày năm 2025 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số 06/QĐ-THADS ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Chấp hành viên của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ thông báo cưỡng chế thi hành án số 140/TB-THADS ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Chấp hành viên của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Biên bản cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Chấp hành viên Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Chứng thư giám định tài sản số 02610006-PD/CTGD ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Công ty Cổ phần Giám định và Thẩm định giá Phương Đông;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 395/2026/65/CTTĐG ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ Tài chính Quảng Nam;

Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng thông báo về việc tổ chức bán đấu giá tài sản như sau:

1. Tên, địa chỉ của tổ chức bán đấu giá tài sản: Công ty Đấu giá Hợp danh Miền Trung và Tây Nguyên, địa chỉ: số 90 Hải Phòng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

2. Tên tài sản hoặc danh mục tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá; nơi có tài sản đấu giá; giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đấu giá;

1. Tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất 1090, tờ bản đồ số 1 tại địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trảng Nhật, phường Điện Thắng Nam, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (nay phường An Thắng, thành phố Đà Nẵng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 454566 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam (cũ) cấp ngày 09/8/2019 gồm:

1.1. Khu nhà xưởng, diện tích xây dựng tầng trệt 10.826m²; số tầng 01 tầng; chiều cao công trình 10.4m.

1.2. Khu điều không AC-1, diện tích xây dựng tầng 1: 153m²; tổng diện tích xây dựng 329m²; số tầng 03 tầng; chiều cao công trình 10.7m.

1.3. Khu điều không AC-2, diện tích xây dựng tầng 1: 197m²; tổng diện tích xây dựng 431m²; số tầng 03 tầng; chiều cao công trình 10.9m.

1.4. Khu điều không AC-3, diện tích xây dựng tầng 1: 111m²; tổng diện tích xây dựng 239m²; số tầng: 03 tầng; chiều cao công trình 10.9m.

1.5. Nhà đặt máy bơm, diện tích xây dựng tầng trệt 20m²; số tầng 01 tầng; chiều cao công trình 3.4m;

1.6. Bể nước ngầm, diện tích xây dựng 100m²; chiều sâu 3.1m.

1.7. Phòng thí nghiệm (thuộc nhà xưởng), trong phòng thí nghiệm có máy đo cường lực YG063G, máy đo độ săn YG156N, máy đo trọng lượng sợi YG 068D.

1.8. Nhà bảo vệ, hệ thống thoát nước, vỉa hè, đường nội bộ, trạm cân, nhà xe, sảnh đón, tường rào.

1.9. Nhà kho chứa bông phế, diện tích 271m², nền xi măng, mái tôn, sườn sắt, tường tôn.

1.10. Vách ngăn nhà xưởng, kết cấu khung nhôm, vách meka.

2. Máy móc, thiết bị sản xuất:

2.1. Hệ thống dây cung bông, 01 bộ gồm các máy hiệu BOP, SPMS, CL-P, MX-U, CL-C3, TST5, SP-DX.

2.2. Máy chải cotton TC15, hiệu Trutzschler: 08 máy số seri từ 9119170345 đến 9119170352 và 01 máy mới đầu tư thêm seri 9119213153. Những máy này hoạt động không tách rời hệ thống.

2.3. Máy kéo sợi OE Saurer Schlafhorst BD 480/480 rotor mỗi máy cùng các thiết bị, phụ tùng đi kèm 08 máy số seri từ 5561358 đến 5561365

3. Tài sản là trang thiết bị máy móc, xe:

STT	Mặt hàng	Đvt	Số lượng
1	Xe ô tô Mitsubishi Xpander 92A - 20666	Chiếc	1
2	Máy đo độ đều Sợi CT200, hiệu Changking	Cái	1
3	Camera giám sát nhà xưởng hiệu DS-2DE4425iw-DE, 12 cái (hai cái không hoạt động)	Hệ Thống	1
4	Cân điện tử hiệu XK 3118T1	Trạm	1
5	Hệ thống điện trung thế (5 tủ điện và một trạm hạ thế)	Hệ thống	1
6	Hệ thống điện nhà xưởng (8 tủ nhỏ và 2 tủ lon)	Hệ thống	1
7	Hệ thống điều không làm mát 03 hệ thống thuộc AC1, AC2 và AC3 (không sử dụng AC3)	Hệ thống	3
8	Hệ thống đường ống cấp gió điều không	Hệ thống	1
9	Hệ thống phun sương hồi ẩm Sợi (03 quạt)	Hệ thống	1
10	Máy ép kiện hiệu JYDB 150G	Máy	1

11	Ghi và miệng hút gió nền nhà xưởng	Hệ thống	1
12	Bộ máy nén khí và hệ thống ống khí nén (02 máy nén khí King Power, model KPF30; 01 máy sấy King Power, model KPD30; 01 bình chứa 2000L Việt Nam, thể tích 2000 Lít)	Hệ thống	1
13	Máy xử lý bông phế	Máy	1
14	Phòng cháy chữa cháy	Hệ thống	1
15	Thùng cú	cái	5.800
16	Xe nâng hiệu TOYOTA	Chiếc	2
17	Bộ hút bụi trung tâm cho Dây Bông 22kw - JYFO-III-7-22kw	Bộ	1
18	Bộ hút bụi trung tâm cho Máy Chải 45 kw - JYFO-III-8-45kw	Bộ	1
19	Máy ép kiện ngang 80 kg - JYDB150A	máy	1
20	Máy ép kiện dọc - JYDB110C	Bộ	1
21	Máy ép kiện ngang 150 kg - JYDB150A	Bộ	2
22	Bộ phân phối 2 chiều JYFA	Bộ	1
23	Quạt vận chuyển Bông xử lý - FC6-48-11No.5A	Bộ	2
24	Lồng ép bụi và tủ điện - JYLC-01	Bộ	2
25	Máy Đào Sợi - Hợp đồng S-01/QD-PEASS/2021	Cái	1
26	Máy mài xu gồm 3 máy (máy ép thủy lực model CMHY-V; máy mài su model BM-1; máy xử lý su model BM-1067)	Bộ	1
27	Biến tần GF1 45Kw - OE2 (cát kho lưu trữ)	Cái	1
28	Biến tần SU2B (phát sinh thêm của máy hai máy kéo sợi). cái cũ cát kho	Cái	1
29	Kim chải di động - Hợp đồng: QD-TCC/2203	Bộ	6
30	Chuốt Sáp - lắp máy OE3 (thuộc 8 bộ máy kéo sợi của máy 3)	Bộ	1

4. Tài sản là hàng hóa, vật tư, thành phẩm

4.1 Kho phụ tùng máy móc:

STT	Mã số	Mặt hàng	Đvt	SL thực tế
1	BI73-1-49	Bi 73-1-49 cho máy BD480	Kg	2
2	BI76-3-1	Bi 76-3-1 cho máy BD480	Cái	10

3	C20-35-86U	C20-35-86U, 50X51 Cylinder Wire	Bộ	8
4	CAMBIENNBB2-8GM30-E2-V1	Cảm biến từ NBB2-8GM30-E2-V1	Cái	3
5	CONLAN-R	Con lăn nhựa phải 54 SRZ cho máy BD480	Cái	24
6	D40-30-36R2	D40-30-36R2 CBF, 50x28 Doffer Wire	Bộ	8
7	CUROA8M-720-25	Dây Curoa bando 8M-720-25	Sợi	1
8	DP-HIGH-FILLET-70	Dp high speed Tops cleaning fillet (70m)	Mtr	140
9	DS-LOW-FILLET-65	Ds low speed Tops cleaning fillet (65m)	Mtr	130
10	FILTERINGBAG	Filtering Bag - phụ tùng lọc bụi	Cái	18
11	ST160-U1299-YELLOW	Fixed Flat S-TECH ST160 U1299 YELLOW	Cái	18
12	ST270-U1299-GREY	Fixed Flat S-TECH ST270-U1299-GREY	Cái	18
13	ST550-U1299-GREEN	Fixed Flat S-TECH ST550 U1299 GREEN	Cái	108
14	ST88-U1299-BLUE	Fixed Flat S-TECH ST88 U1299 BLUE	Cái	18
15	LIGHTBULB	Light bulb - phụ tùng lọc bụi	Cái	8
16	PLASTICSUCTIONPIPE	Plastic Suction pipe - phụ tùng lọc bụi	Cái	2
17	PULLEYD100	Pulley D100	Cái	1
18	REVOLVINGNOZZLE	Revolving nozzle - phụ tùng lọc bụi	Cái	3
19	SEALINGBELT	Sealing Belt - Phụ tùng lọc bụi	Cái	6
20	SENSOR	Sensor - phụ tùng lọc bụi	Cái	2
21	SUCTIONNOZZLE	Suction nozzle - phụ tùng lọc bụi	Cái	21
22	V16-20-160U	V16-20-160U+, 36kgs Interlocking Lickerin Wire	Bộ	3
23	V16-20-200U	V16-20-200U+, 39kgs Interlocking Lickerin Wire	Bộ	3
24	VITHAM-BD480	Vít hãm rotor cho máy BD480	Cái	80
		Tổng cộng		635

4.2 Kho vật tư

STT	Mã số	Mặt hàng	Đvt	SL thực tế
1	ACQUY-01	Bình ắc quy 2,2 Ah	cái	2
2	CANHQUATMOTOR 3KW	Cánh quạt Motor 3Kw 53cm	Cái	2
3	CUROA559-PJ8	Dây curoa 559-PJ-8	Sợi	3
4	CUROA1120-H8M-20	Dây curoa Bando 1120-H8M-20	Sợi	1
5	DAY900-5M-35	Dây curoa Bando 900HP - S5M-35	Sợi	1
6	DAYCUROA-04	Dây curoa Gates D8M -1600 (20)	sợi	1
7	DAYDAI1350X14X2.2	Dây đai 1350x14x2.2mm	Sợi	2
8	DAYDAI1350X15X2.2	Dây đai 1350x15x2.2mm	Sợi	2
9	DAYDAI1.8*12*753MM	Dây đai dệt 1.8*12*753mm	Sợi	2
10	DAY1800X20X2	Dây đai dệt 180020x2mm	Sợi	2
11	DAYDAI1800X8X1.8	Dây đai dệt 1800mmX8mmX1.8mm	Sợi	2
12	DAYDAI-11	Dây đai dệt 828x15x2.3mm	Sợi	2
13	DAYDAI-07	Dây đai SP - 180/23 (107.800 x 10) mm	sợi	2
14	DAYGATE-01	Dây gate 1520 - 8M (20)	cái	3
15	LOXO-01	Lò xo	cái	2
16	NAPROTO	Nắp roto	Cái	2
17	ONGTHUYTINH-01	Ống thủy tinh dẫn sợi small tube glass 5,2mm + 124mm	cái	183
18	ROLE01	Rơ le trung gian RXM3AB2BD	Cái	10
19	KIMCHAI-04	T17.40.050.0860.05/X1 50 x 51"Cylinder BTN No: 84483100	set	1
20	KIMCHAI-05	T40.30.090.0367.31/BZ 27x51" Doffer BTN No: 84483100	set	1
21	KIMCHAI-02	T50.20.160.0164.35V 7x 51" 2nd Lickerin BTN No: 84483100	set	2
22	KIMCHAI-03	T50.20.160.0210.35/VB 7x51" 3rd Lickerin BTN No: 84483100	set	2
23	KIMCHAI-11	TF 170.30.30/30.070.275/RL 51" Fillet BTN No: 84483100	set	3

24	KIMCHAI-06	TF075.15.27/32.450.260/BP T-Magnotop 51", 84pcs BTN No: 84483100	set	2
25	KIMCHAI-12	TF200.33.32./32.120.393/RL 51" fillet BTN No: 84483100	set	3
26	TRUCGANSAP	Trục gắn sấp	Cái	51
27	KIMCHAI-07	TS.110.089.1299.225/R TS.090/R2_TC11-15 BTN No: 84483100	set	4
28	KIMCHAI-08	TS.110.141.1299.221/R TS.140/R_TC11-15 formerly # 991370410102 BTN No: 84483100	set	4
29	KIMCHAI-09	TS.110.241.1299.162/R TS.240/R2_TC11-15 BTN No: 84483100	set	4
30	VONGBI-3206	Vòng bi 3206	Cái	1
31	VONGBI-04	Vòng bi 6206	cái	3
32	VONGBI6208	Vòng bi 6208	Cái	2
33	VONGBI6306	Vòng bi 6306	Cái	2
Tổng cộng				309

4.3 Kho thành phẩm sợi OE

STT	Mã số	Mặt hàng	Đvt	SL thực tế	
				Kg	Bao
1	ECX06100K66231	Sợi OE 06/1, Cotton 100%	Kg	18.663,12	617 Bao + 2 cuộn
2	ECD10100K08231	Sợi OE 10/1, cotton 100%	Kg	28.559,16	944 Bao + 5 cuộn
3	ECD10100K16221	Sợi OE 10/1, cotton 100%	Kg	113,40	3 Bao + 9 cuộn
4	E VX10165K11231	Sợi OE 10/1, CVC 65/35	Kg	26.782,56	885 Bao + 8 cuộn
5	E VX10140K22231	Sợi OE 10/1, TC 40/60	Kg	46.351,36	1532 Bao + 10 cuộn (có 1 cuộn 1kg)
6	ECD12100K16221	Sợi OE 12/1, cotton 100%	Kg	88,20	2 Bao + 11 cuộn
7	ECX12100K09231	Sợi OE 12/1, cotton 100%	Kg	1.323	43 Bao + 9 cuộn (thiếu 1 cuộn)
8	E VX12180S06231	Sợi OE 12/1, CVC 80/20	Kg	18.721,08	619 Bao + 1 cuộn

9	ECD16100K08231	Sợi OE 16/1, Cotton 100%	Kg	46.703,16	1544 Bao + 5 cuộn
10	ECD16100S07231	Sợi OE 16/1, cotton 100%	Kg	8.595,72	284 Bao + 3 cuộn
11	ECD16100S09221	Sợi OE 16/1, cotton 100%	Kg	259,56	8 Bao + 7 cuộn
12	EVD16100K21221	Sợi OE 16/1, RP 20/80	Kg	551,88	18 thùng + 3 cuộn
13	ECD20100K11231	Sợi OE 20/1, cotton 100%	Kg	22.113	731 Bao + 3 cuộn (thiếu 1 cuộn)
14	ECD20100S07231	Sợi OE 20/1, cotton 100%	Kg	25.053,84	828 Bao + 6 Cuộn
15	E VX20165K68231	Sợi OE 20/1, CVC 65/35.	Kg	18.673,2	617 Bao + 6 cuộn
16	E VX20135K19231	Sợi OE 20/1, TC 35/65	Kg	35,28	1 Bao + 2 cuộn
17	E VX20140K22231	Sợi OE 20/1, TC 40/60	Kg	519,12	17 Bao + 2 cuộn
18	ETD20140K20231	Sợi OE 20/1, TC 40/60	Kg	42.232,68	1396 Bao + 7 cuộn
19	ECD30100K10221	Sợi OE 30/1, cotton 100%	Kg	17.093,16	565 Bao + 3 cuộn
20	ECX30100K10231	Sợi OE 30/1, cotton 100%	Kg		
21	ECX30100K24231	Sợi OE 30/1, Cotton 100%	Kg	2.615,76	86 Bao + 6 cuộn
22	ECX30100K37231	Sợi OE 30/1, Cotton 100%	Kg	3.477,6	115 Bao
23	ECX30100K40231	Sợi OE 30/1, Cotton 100%	Kg	2.643,48	87 Bao + 5 cuộn
24	ETD9.5113K17231	Sợi OE 9.5/1, TC 13/87	Kg	58.529,52	1935 Bao + 6 cuộn lẻ

4.4. Kho bông phế

STT	Mặt hàng	Đvt	SL thực tế
			Kiện
1	Bông C2 vệ sinh máy	Kiện	2
2	Bông tạp	Kiện	45
3	Bông C2 B52 - Màu đen	Kiện	129
4	Bông C2 B46 - Màu trắng	Kiện	17
5	Bông C2 B46 - Màu xám	Kiện	86

6	Xơ đã xử lí - Màu xám	Kiện	1
7	Cúi sơ XL - 2 trắng + 1 Xám	Kiện	3
8	Bông bụi	Kiện	74
9	Bông C2 B52 - Màu trắng	Kiện	132
10	Bông C2 B52 - Màu xám	Kiện	27
11	Cúi hồi sơ 4a	Kiện	3
12	Bông C2 lẫn xơ 4a - Màu trắng	Kiện	3
13	Bông C2 XL - Màu đen	Kiện	71
Tổng cộng			593

4.5. Kho bông nguyên liệu

STT	Mặt hàng	Đvt	SL số sách công ty	SL thực tế
			Kg	Kiện
1	Cúi hồi nhóm 4	Kiện	4.409	32
2	Bông SPMF nhóm 4	Kiện	2.762	25
3	Cúi hồi XL nhóm 2 - Màu trắng	Kiện	4.520	33
4	TST5 XL nhóm 2	Kiện	1.690	13
5	Bông F3 Thăng Bình - Màu trắng	Kiện	43.932	371
6	Bông F2 XL Thăng Bình - Màu trắng	Kiện	16.211	140
7	Bông F2 Thăng Bình - Màu trắng	Kiện	18.755	155
8	Bông F3 Hoà Thọ tổng - Màu trắng	Kiện	9.921	91
9	Sơ Viscose - Màu trắng	Kiện	28.782,4	92
10	Bông F2 Hoà Thọ tổng - Màu trắng	Kiện	13.825	120
11	Bông C3 nhóm 2 - Màu trắng	Kiện	12.801	98
12	Bông C2	Kiện	359	3
13	SPMF 2 - Màu trắng	Kiện	669	6
14	Bông TST5 nhóm 5	Kiện	66	1
15	Cúi hồi nhóm 5	Kiện	3.441	27
16	Bông rơi hỗn hợp	Kiện	103	1
17	Bông nấm	Kiện	136	1

18	Bông C2 B52 - Màu đen	Kiện	7.900	64
19	Bông C2 Hansae	Kiện	68	1
20	Cúi hồi Hanse	Kiện	262	2
21	Bông C3 nhóm 4 - Màu xám	Kiện	8.035	62
	Tổng cộng		78.647,4	1.338

4.6 Kho thành phẩm (Sợi thừa-thiếu kg)

STT	Mã số	Mặt hàng	Đvt	SL thực tế	
				Kg	Bao
1	ECD10100K03Q B21	Sợi OE 10/1cone 2.52 lot 03 thiếu ký	Kg	108	4
2	ECD10100K0823 1	Sợi OE 32 , Cone 2.52 , lot 07	Kg	30	1
3	ECD10100K1622 1	Sợi OE 16 lô 08, 7cone	Kg	18	1
4	E VX10165K1123 1	Sợi OE 16W Lô 14	Kg	30	1
5	E VX10140K2223 1	Sợi OE 16W Lô 70 thiếu ký	Kg	121	4
		Tổng cộng		307	11

4.7 Kho vật liệu phụ (Sợi thừa-thiếu phé)

STT	Mặt hàng	Đvt	SL thực tế	
			Kg	Cone
1	Cone sợi phủ cam	Kg	5	2
2	Cone sợi ngôi sao tím	Kg	18	7
3	Cone sợi chấm bi xanh lá	Kg	33	13
4	Cone sợi chấm bi xanh dương	Kg	18	7
5	Cone sợi phủ xanh dương	Kg	3	1
7	Cone sợi chấm bi đỏ	Kg	15	6
8	Cone sợi chấm bi đen	Kg	3	1
9	Cone sợi 10 lô 04	Kg	10	4
10	Cone sợi 16 lô 06 bị móp	Kg	3	1
	Tổng cộng		106	42

4.8 Kho vật liệu phụ

STT	Mã số	Mặt hàng	Đvt	SL thực tế
-----	-------	----------	-----	------------

1	BANGKEODEN7F2	Băng keo màu đen 7F2, 80 yard	Cuộn	8
2	BANGKEOVANG7F2	Băng keo màu vàng 7F2, 80 yard	Cuộn	10
3	BANGKEOXANH DUONG 7F2	Băng keo màu xanh dương 7F2, 80 yard	Cuộn	28
4	BAOPP-65X125	Bao Dệt PP 65 x 125 cm, có in	cái	9.618
5	BAOPP-68X125	Bao Dệt PP 68 x 125 cm, có in	cái	19.332
6	BAOPP-72X119	Bao Dệt PP 72 x 119 cm	cái	1.313
7	BAOPP-75X119	Bao Dệt PP 75 x 119 cm	cái	1.928
8	BAOPP-66X110	Bao dệt PP 66 (7+7) x 110 cm. (80x110)	cái	14.800
9	BAOPP-68X110	Bao dệt PP 68 (7+7) x 110 cm. (82x110)	cái	24.450
10	BAOHD-39X45	Bao HD 39 x 45	kg	100
11	BAOTA	Bao tạ	cái	150
12	DAYNHUA-02	Dây nhựa may bao	kg	32
13	DAYPET	Dây Pet	kg	160
14	DAYPP	Dây PP- Đai	cuộn	31
15	MANGPE	Màng PE	Cuộn	18
16	CONE12/1	Ống cone giấy 60 gram-đen	ống	2.185
17	CONE21/1	Ống cone giấy 60 gram- đỏ	ống	122
18	CONE16/1	Ống cone giấy 60 gram-xanh dương	ống	1.339
19	CONE20/1	Ống cone giấy 60 gram-xanh lá	ống	2.920
20	CONE10/1-CVC	Ống cone giấy 60 gram-cam	Cái	500
21	CONE30/1	Ống cone giấy 60 gram-tím	ống	1,200
22	CONE10/1	Ống cone giấy 60 gram-vàng	ống	2.090
26	SAPVIEN(14*40*60)	Sáp viên (14*40*60)	Kg	115
27	THUNG3L-694734	Thùng 3 lớp (69x47x34cm)	Bộ	1,015
		Tổng cộng		83.464

1.4.9 Kho công cụ, dụng cụ:

STT	Mã số	Mặt hàng	Đvt	SL thực tế
1	AODONGPHUC-CN	Áo đồng phục công nhân	Cái	23
2	AODONGPHUC-VP	Áo đồng phục văn phòng	Cái	4
3	AOTHUN	Áo thun cổ trụ đồng phục nhân viên	cái	47
4	BAOTAY	Bao tay	đôi	5
5	CHOI-01	Chổi bàn chà xơ dừa 0.8m	cái	39
6	GIAY	Giày Asia	đôi	14
		Tổng cộng		132

Theo Chứng thư thẩm định giá số 395/2026/65/CTTDG ngày 19 tháng 03 năm 2026 Công ty Cổ phần thẩm định giá và Dịch vụ tài chính Quảng Nam thì tổng giá trị tài sản là **154.269.992.068** đồng (Một trăm năm mươi bốn tỷ hai trăm sáu mươi chín triệu chín trăm chín mươi hai nghìn không trăm sáu mươi tám đồng)

(Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có), thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có), lệ phí công chứng, lệ phí trước bạ và các khoản thuế, phí, chi phí khác để chuyển quyền sở hữu tài sản theo quy định và người mua trúng tài sản đấu giá phải chịu thuế giá trị gia tăng).

2. Nơi có tài sản đấu giá: Cụm Công nghiệp Trảng Nhật, phường Điện Thắng Nam, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (Nay là phường An Thắng, thành phố Đà Nẵng).

3. Bước giá: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) là mức chênh lệch giữa lần trả giá đầu tiên so với giá khởi điểm hoặc giữa lần trả giá sau so với lần trả giá trước liền kề.

Giá trả hợp lệ: Người trả giá đầu tiên, giá mà khách hàng trả tối thiểu phải bằng giá khởi điểm; Người trả giá tiếp theo (thứ hai) trở đi, giá mà khách hàng trả phải bằng hoặc cao hơn giá đã trả của người trả giá liền kề trước đó cộng bước giá.

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Công ty Đấu giá Hợp danh Miền Trung và Tây Nguyên, địa chỉ: số 90 Hải Phòng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

5. Người có tài sản đấu giá: Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng (Khu vực 10) (Địa chỉ: Đường Hồ Xuân Hương, phường Điện Bàn, thành phố Đà Nẵng).

6. Thời gian, địa điểm xem tài sản, mẫu tài sản (nếu có), hồ sơ liên quan:

- Thời gian xem tài sản, mẫu tài sản (nếu có), hồ sơ liên quan: Trong giờ hành chính từ ngày 20/04/2026 đến ngày 24/04/2026.

- Địa điểm xem tài sản: Tại nơi có tài sản đấu giá

- Địa điểm xem hồ sơ pháp lý: Tại Công ty Đấu giá Hợp danh Miền Trung và Tây Nguyên, địa chỉ: số 90 Hải Phòng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

7. Thời hạn; địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ mời tham gia đấu giá:

- Thời hạn bán, tiếp nhận hồ sơ mời tham gia đấu giá: Bắt đầu lúc: 08h00 ngày 02/04/2026; hết hạn lúc: 17h00 ngày 04/05/2026 (Trong giờ hành chính).

- Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ mời tham gia đấu giá: Tại trụ sở làm việc của Công ty Đấu giá hợp danh Miền Trung và Tây Nguyên, địa chỉ: số 90 Hải Phòng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

8. Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước; thời hạn nộp tiền đặt trước:

a) Tiền mua hồ sơ, tiền đặt trước:

- Tiền mua hồ sơ: 1.000.000 đồng/hồ sơ (Một triệu đồng/hồ sơ).

- Tiền đặt trước: 15.400.000.000 đồng (Mười lăm tỷ bốn trăm triệu đồng)

b) Thời hạn nộp tiền đặt trước: Bắt đầu lúc: 08h00 ngày 02/04/2026; hết hạn lúc: 17h00 ngày 04/05/2026 (Trong giờ hành chính).

- Khách hàng tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước vào một trong các tài khoản sau của Công ty Đấu giá hợp danh :

+ Số tài khoản: 2009777789999 tại Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam– Chi nhánh Chợ Mới Nam Đà Nẵng .

+ Số tài khoản: 12226888 tại Ngân hàng Techcombank – Chi nhánh Đà Thành, Đà Nẵng.

9. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

a) Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá: Bắt đầu lúc: 08h00 ngày 02/04/2026; hết hạn lúc: 17h00 ngày 04/5/2026 (Trong giờ hành chính), khách hàng tham gia đấu giá có nhu cầu mua hồ sơ thì đến tại trụ sở làm việc của Tại Công ty Đấu giá Hợp danh Miền Trung và Tây Nguyên, địa chỉ: số 90 Hải Phòng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

b) Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Điều kiện đăng ký tham gia đấu giá: Cá nhân, tổ chức đủ điều kiện tham gia đấu giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản năm 2016 (sửa đổi, bổ sung năm 2024) và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Phiếu đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu do Công ty phát hành (có đóng dấu treo của Công ty, không được sử dụng phiếu phô tô). Khách hàng ghi đầy đủ, cụ thể, chi tiết các nội dung nêu trong phiếu và nộp hồ sơ mời tham gia đấu giá cho Công ty theo quy định.

10. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá: Đấu giá trực tiếp bằng lời nói theo phương thức trả giá lên.

11. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá: Từ 14h30 ngày 07/05/2026 trên Trang thông tin điện tử đấu giá trực tuyến: **taichinhqnamqtc.vn**

** Chi tiết liên hệ: Công ty Đấu giá hợp danh Miền Trung và Tây Nguyên, địa chỉ: số 90 Hải Phòng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.*

Trước khi mở cuộc bán đấu giá 01 ngày làm việc, người phải thi hành án có quyền nhận lại tài sản nếu nộp đủ tiền thi hành án và thanh toán các chi phí thực tế, hợp lý đã phát sinh từ việc cưỡng chế thi hành án, tổ chức bán đấu giá.

Vậy Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng thông báo cho các đương sự biết và tham dự phiên đấu giá tài sản kê biên theo quy định./.

(kèm theo thông báo bán đấu giá số 204/TBBĐG/ĐGMITN ngày 01/4/2026)

Căn cứ Bản án số 22/2024/KDTM.ST ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 1493/QĐ-CCTHADS ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số 06/QĐ-THADS ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Chấp hành viên của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ thông báo cưỡng chế thi hành án số 140/TB-THADS ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Chấp hành viên của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Biên bản cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Chấp hành viên Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Chứng thư giám định tài sản số 02610006-PD/CTGD ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Công ty Cổ phần Giám định và Thẩm định giá Phương Đông;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 395/2026/65/CTTĐG ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ Tài chính Quảng Nam;

Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng thông báo về việc tổ chức bán đấu giá tài sản như sau:

1. Tên, địa chỉ của tổ chức bán đấu giá tài sản: Công ty Đấu giá Hợp danh Miền Trung và Tây Nguyên, địa chỉ: số 90 Hải Phòng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

2. Tên tài sản hoặc danh mục tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá; nơi có tài sản đấu giá; giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đấu giá;

1. Tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất 1090, tờ bản đồ số 1 tại địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trảng Nhật, phường Điện Thắng Nam, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (nay phường An Thắng, thành phố Đà Nẵng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 454566 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam (cũ) cấp ngày 09/8/2019 gồm:

1.1. Khu nhà xưởng, diện tích xây dựng tầng trệt 10.826m²; số tầng 01 tầng; chiều cao công trình 10.4m.

1.2. Khu điều không AC-1, diện tích xây dựng tầng 1: 153m²; tổng diện tích xây dựng 329m²; số tầng 03 tầng; chiều cao công trình 10.7m.

1.3. Khu điều không AC-2, diện tích xây dựng tầng 1: 197m²; tổng diện tích xây dựng 431m²; số tầng 03 tầng; chiều cao công trình 10.9m.

1.4. Khu điều không AC-3, diện tích xây dựng tầng 1: 111m²; tổng diện tích xây dựng 239m²; số tầng: 03 tầng; chiều cao công trình 10.9m.

1.5. Nhà đặt máy bơm, diện tích xây dựng tầng trệt 20m²; số tầng 01 tầng; chiều cao công trình 3.4m;

1.6. Bể nước ngầm, diện tích xây dựng 100m²; chiều sâu 3.1m.

1.7. Phòng thí nghiệm (thuộc nhà xưởng), trong phòng thí nghiệm có máy đo cường lực YG063G, máy đo độ săn YG156N, máy đo trọng lượng sợi YG 068D.

1.8. Nhà bảo vệ, hệ thống thoát nước, vỉa hè, đường nội bộ, trạm cân, nhà xe, sảnh đón, tường rào.

1.9. Nhà kho chứa bông phế, diện tích 271m², nền xi măng, mái tôn, sườn sắt, tường tôn.

1.10. Vách ngăn nhà xưởng, kết cấu khung nhôm, vách meka.

2. Máy móc, thiết bị sản xuất:

2.1. Hệ thống dây cung bông, 01 bộ gồm các máy hiệu BOP, SPMS, CL-P, MX-U, CL-C3, TST5, SP-DX.

2.2. Máy chải cotton TC15, hiệu Trutzschler: 08 máy số seri từ 9119170345 đến 9119170352 và 01 máy mới đầu tư thêm seri 9119213153. Những máy này hoạt động không tách rời hệ thống.

2.3. Máy kéo sợi OE Saurer Schlafhorst BD 480/480 rotor mỗi máy cùng các thiết bị, phụ tùng đi kèm 08 máy số seri từ 5561358 đến 5561365

3. Tài sản là trang thiết bị máy móc, xe:

STT	Mặt hàng	Đvt	Số lượng
1	Xe ô tô Mitsubishi Xpander 92A - 20666	Chiếc	1
2	Máy đo độ đều Sợi CT200, hiệu Changking	Cái	1

3	Camera giám sát nhà xưởng hiệu DS-2DE4425iw-DE, 12 cái (hai cái không hoạt động)	Hệ Thống	1
4	Cân điện tử hiệu XK 3118T1	Trạm	1
5	Hệ thống điện trung thế (5 tủ điện và một trạm hạ thế)	Hệ thống	1
6	Hệ thống điện nhà xưởng (8 tủ nhỏ và 2 tủ lớn)	Hệ thống	1
7	Hệ thống điều không làm mát 03 hệ thống thuộc AC1, AC2 và AC3 (không sử dụng AC3)	Hệ thống	3
8	Hệ thống đường ống cấp gió điều không	Hệ thống	1
9	Hệ thống phun sương hồi ẩm Sợi (03 quạt)	Hệ thống	1
10	Máy ép kiện hiệu JYDB 150G	Máy	1
11	Ghi và miệng hút gió nền nhà xưởng	Hệ thống	1
12	Bộ máy nén khí và hệ thống ống khí nén (02 máy nén khí King Power, model KPF30; 01 máy sấy King Power, model KPD30; 01 bình chứa 2000L Việt Nam, thể tích 2000 Lít)	Hệ thống	1
13	Máy xử lý bông phế	Máy	1
14	Phòng cháy chữa cháy	Hệ thống	1
15	Thùng cú	cái	5.800
16	Xe nâng hiệu TOYOTA	Chiếc	2
17	Bộ hút bụi trung tâm cho Dây Bông 22kw - JYFO-III-7-22kw	Bộ	1
18	Bộ hút bụi trung tâm cho Máy Chải 45 kw - JYFO-III-8-45kw	Bộ	1
19	Máy ép kiện ngang 80 kg - JYDB150A	máy	1
20	Máy ép kiện dọc - JYDB110C	Bộ	1
21	Máy ép kiện ngang 150 kg - JYDB150A	Bộ	2
22	Bộ phân phối 2 chiều JYFA	Bộ	1
23	Quạt vận chuyển Bông xử lý - FC6-48-11No.5A	Bộ	2
24	Lồng ép bụi và tủ điện - JYLC-01	Bộ	2
25	Máy Đảo Sợi - Hợp đồng S-01/QD-PEASS/2021	Cái	1
26	Máy mài xu gồm 3 máy (máy ép thủy lực model CMHY-V; máy mài su model BM-1; máy xử lý su model BM-1067)	Bộ	1
27	Biến tần GF1 45Kw - OE2 (cát kho lưu trữ)	Cái	1
28	Biến tần SU2B (phát sinh thêm của máy hai máy kéo sợi). cái cũ cát kho	Cái	1
29	Kim chải di động - Hợp đồng: QD-TCC/2203	Bộ	6
30	Chuốt Sáp - lắp máy OE3 (thuộc 8 bộ máy kéo sợi của máy 3)	Bộ	1

4. Tài sản là hàng hóa, vật tư, thành phẩm

4.1 Kho phụ tùng máy móc:

STT	Mã số	Mặt hàng	Đvt	SL thực tế
1	BI73-1-49	Bi 73-1-49 cho máy BD480	Kg	2
2	BI76-3-1	Bi 76-3-1 cho máy BD480	Cái	10
3	C20-35-86U	C20-35-86U, 50X51 Cylinder Wire	Bộ	8
4	CAMBIENNBB2-8GM30-E2-V1	Cảm biến từ NBB2-8GM30-E2-V1	Cái	3
5	CONLAN-R	Con lăn nhựa phải 54 SRZ cho máy BD480	Cái	24
6	D40-30-36R2	D40-30-36R2 CBF, 50x28 Doffer Wire	Bộ	8
7	CUROA8M-720-25	Dây Curoa bando 8M-720-25	Sợi	1
8	DP-HIGH-FILLET-70	Dp high speed Tops cleaning fillet (70m)	Mtr	140
9	DS-LOW-FILLET-65	Ds low speed Tops cleaning fillet (65m)	Mtr	130
10	FILTERINGBAG	Filtering Bag - phụ tùng lọc bụi	Cái	18
11	ST160-U1299-YELLOW	Fixed Flat S-TECH ST160 U1299 YELLOW	Cái	18
12	ST270-U1299-GREY	Fixed Flat S-TECH ST270-U1299-GREY	Cái	18
13	ST550-U1299-GREEN	Fixed Flat S-TECH ST550 U1299 GREEN	Cái	108
14	ST88-U1299-BLUE	Fixed Flat S-TECH ST88 U1299 BLUE	Cái	18
15	LIGHTBULB	Light bulb - phụ tùng lọc bụi	Cái	8
16	PLASTICSUCTIONPIPE	Plastic Suction pipe - phụ tùng lọc bụi	Cái	2
17	PULLEYD100	Pulley D100	Cái	1
18	REVOLVINGNOZZLE	Revolving nozzle - phụ tùng lọc bụi	Cái	3
19	SEALINGBELT	Sealing Belt - Phụ tùng lọc bụi	Cái	6
20	SENSOR	Sensor - phụ tùng lọc bụi	Cái	2
21	SUCTIONNOZZLE	Suction nozzle - phụ tùng lọc bụi	Cái	21

22	V16-20-160U	V16-20-160U+, 36kgs Interlocking Lickerin Wire	Bộ	3
23	V16-20-200U	V16-20-200U+, 39kgs Interlocking Lickerin Wire	Bộ	3
24	VITHAM-BD480	Vít hãm rotor cho máy BD480	Cái	80
Tổng cộng				635

4.2 Kho vật tư

STT	Mã số	Mặt hàng	Đvt	SL thực tế
1	ACQUY-01	Bình ắc quy 2,2 Ah	cái	2
2	CANHQUATMOTOR 3KW	Cánh quạt Motor 3Kw 53cm	Cái	2
3	CUROA559-PJ8	Dây curoa 559-PJ-8	Sợi	3
4	CUROA1120-H8M-20	Dây curoa Bando 1120-H8M-20	Sợi	1
5	DAY900-5M-35	Dây curoa Bando 900HP - S5M-35	Sợi	1
6	DAYCUROA-04	Dây curoa Gates D8M -1600 (20)	sợi	1
7	DAYDAI1350X14X2. 2	Dây đai 1350x14x2.2mm	Sợi	2
8	DAYDAI1350X15X2. 2	Dây đai 1350x15x2.2mm	Sợi	2
9	DAYDAI1.8*12*753M M	Dây đai dệt 1.8*12*753mm	Sợi	2
10	DAY1800X20X2	Dây đai dệt 180020x2mm	Sợi	2
11	DAYDAI1800X8X1.8	Dây đai dệt 1800mmX8mmX1.8mm	Sợi	2
12	DAYDAI-11	Dây đai dệt 828x15x2.3mm	Sợi	2
13	DAYDAI-07	Dây đai SP - 180/23 (107.800 x 10) mm	sợi	2
14	DAYGATE-01	Dây gate 1520 - 8M (20)	cái	3
15	LOXO-01	Lò xo	cái	2
16	NAPROTO	Nắp roto	Cái	2
17	ONGTHUYTINH-01	Ống thủy tinh dẫn sợi small tube glass 5,2mm + 124mm	cái	183
18	ROLE01	Rơ le trung gian RXM3AB2BD	Cái	10
19	KIMCHAI-04	T17.40.050.0860.05/X1 50 x 51"Cylinder BTN No: 84483100	set	1

20	KIMCHAI-05	T40.30.090.0367.31/BZ 27x51" Doffer BTN No: 84483100	set	1
21	KIMCHAI-02	T50.20.160.0164.35V 7x 51" 2nd Lickerin BTN No: 84483100	set	2
22	KIMCHAI-03	T50.20.160.0210.35/VB 7x51" 3rd Lickerin BTN No: 84483100	set	2
23	KIMCHAI-11	TF 170.30.30/30.070.275/RL 51" Fillet BTN No: 84483100	set	3
24	KIMCHAI-06	TF075.15.27/32.450.260/BP T- Magnotop 51", 84pcs BTN No: 84483100	set	2
25	KIMCHAI-12	TF200.33.32./32.120.393/RL 51" fillet BTN No: 84483100	set	3
26	TRUCGANSAP	Trục gắn sấp	Cái	51
27	KIMCHAI-07	TS.110.089.1299.225/R TS.090/R2_TC11-15 BTN No: 84483100	set	4
28	KIMCHAI-08	TS.110.141.1299.221/R TS.140/R_TC11-15 formerly # 991370410102 BTN No: 84483100	set	4
29	KIMCHAI-09	TS.110.241.1299.162/R TS.240/R2_TC11-15 BTN No: 84483100	set	4
30	VONGBI-3206	Vòng bi 3206	Cái	1
31	VONGBI-04	Vòng bi 6206	cái	3
32	VONGBI6208	Vòng bi 6208	Cái	2
33	VONGBI6306	Vòng bi 6306	Cái	2
Tổng cộng				309

4.3 Kho thành phẩm sợi OE

STT	Mã số	Mặt hàng	Đvt	SL thực tế	
				Kg	Bao
1	ECX06100K66231	Sợi OE 06/1, Cotton 100%	Kg	18.663,12	617 Bao + 2 cuộn
2	ECD10100K08231	Sợi OE 10/1, cotton 100%	Kg	28.559,16	944 Bao + 5 cuộn
3	ECD10100K16221	Sợi OE 10/1, cotton 100%	Kg	113,40	3 Bao + 9 cuộn
4	E VX10165K11231	Sợi OE 10/1, CVC 65/35	Kg	26.782,56	885 Bao + 8 cuộn
5	E VX10140K22231	Sợi OE 10/1, TC 40/60	Kg	46.351,36	1532 Bao + 10 cuộn (có 1 cuộn 1kg)

6	ECD12100K16221	Sợi OE 12/1, cotton 100%	Kg	88,20	2 Bao + 11 cuộn
7	ECX12100K09231	Sợi OE 12/1, cotton 100%	Kg	1.323	43 Bao + 9 cuộn (thiếu 1 cuộn)
8	E VX12180S06231	Sợi OE 12/1, CVC 80/20	Kg	18.721,08	619 Bao + 1 cuộn
9	ECD16100K08231	Sợi OE 16/1, Cotton 100%	Kg	46.703,16	1544 Bao + 5 cuộn
10	ECD16100S07231	Sợi OE 16/1, cotton 100%	Kg	8.595,72	284 Bao + 3 cuộn
11	ECD16100S09221	Sợi OE 16/1, cotton 100%	Kg	259,56	8 Bao + 7 cuộn
12	EVD16100K21221	Sợi OE 16/1, RP 20/80	Kg	551,88	18 thùng + 3 cuộn
13	ECD20100K11231	Sợi OE 20/1, cotton 100%	Kg	22.113	731 Bao + 3 cuộn (thiếu 1 cuộn)
14	ECD20100S07231	Sợi OE 20/1, cotton 100%	Kg	25.053,84	828 Bao + 6 Cuộn
15	E VX20165K68231	Sợi OE 20/1, CVC 65/35.	Kg	18.673,2	617 Bao + 6 cuộn
16	E VX20135K19231	Sợi OE 20/1, TC 35/65	Kg	35,28	1 Bao + 2 cuộn
17	E VX20140K22231	Sợi OE 20/1, TC 40/60	Kg	519,12	17 Bao + 2 cuộn
18	ETD20140K20231	Sợi OE 20/1, TC 40/60	Kg	42.232,68	1396 Bao + 7 cuộn
19	ECD30100K10221	Sợi OE 30/1, cotton 100%	Kg	17.093,16	565 Bao + 3 cuộn
20	ECX30100K10231	Sợi OE 30/1, cotton 100%	Kg		
21	ECX30100K24231	Sợi OE 30/1, Cotton 100%	Kg	2.615,76	86 Bao + 6 cuộn
22	ECX30100K37231	Sợi OE 30/1, Cotton 100%	Kg	3.477,6	115 Bao
23	ECX30100K40231	Sợi OE 30/1, Cotton 100%	Kg	2.643,48	87 Bao + 5 cuộn
24	ETD9.5113K17231	Sợi OE 9.5/1, TC 13/87	Kg	58.529,52	1935 Bao + 6 cuộn lẻ

4.4. Kho bông phế

STT	Mặt hàng	Dvt	SL thực tế
-----	----------	-----	------------

			Kiện
1	Bông C2 vệ sinh máy	Kiện	2
2	Bông tạp	Kiện	45
3	Bông C2 B52 - Màu đen	Kiện	129
4	Bông C2 B46 - Màu trắng	Kiện	17
5	Bông C2 B46 - Màu xám	Kiện	86
6	Xơ đã xử lí - Màu xám	Kiện	1
7	Cúi sơ XL - 2 trắng + 1 Xám	Kiện	3
8	Bông bụi	Kiện	74
9	Bông C2 B52 - Màu trắng	Kiện	132
10	Bông C2 B52 - Màu xám	Kiện	27
11	Cúi hồi sơ 4a	Kiện	3
12	Bông C2 lẫn xơ 4a - Màu trắng	Kiện	3
13	Bông C2 XL - Màu đen	Kiện	71
	Tổng cộng		593

4.5. Kho bông nguyên liệu

STT	Mặt hàng	Đvt	SL số sách công ty	SL thực tế
			Kg	Kiện
1	Cúi hồi nhóm 4	Kiện	4.409	32
2	Bông SPMF nhóm 4	Kiện	2.762	25
3	Cúi hồi XL nhóm 2 - Màu trắng	Kiện	4.520	33
4	TST5 XL nhóm 2	Kiện	1.690	13
5	Bông F3 Thăng Bình - Màu trắng	Kiện	43.932	371
6	Bông F2 XL Thăng Bình - Màu trắng	Kiện	16.211	140
7	Bông F2 Thăng Bình - Màu trắng	Kiện	18.755	155
8	Bông F3 Hoà Thọ tổng - Màu trắng	Kiện	9.921	91
9	Sơ Viscose - Màu trắng	Kiện	28.782,4	92
10	Bông F2 Hoà Thọ tổng - Màu trắng	Kiện	13.825	120
11	Bông C3 nhóm 2 - Màu trắng	Kiện	12.801	98

12	Bông C2	Kiện	359	3
13	SPMF 2 - Màu trắng	Kiện	669	6
14	Bông TST5 nhóm 5	Kiện	66	1
15	Cúi hồi nhóm 5	Kiện	3.441	27
16	Bông roi hỗn hợp	Kiện	103	1
17	Bông nắm	Kiện	136	1
18	Bông C2 B52 - Màu đen	Kiện	7.900	64
19	Bông C2 Hansae	Kiện	68	1
20	Cúi hồi Hanse	Kiện	262	2
21	Bông C3 nhóm 4 - Màu xám	Kiện	8.035	62
	Tổng cộng		78.647,4	1.338

4.6 Kho thành phẩm (Sợi thừa-thiếu kg)

STT	Mã số	Mặt hàng	Đvt	SL thực tế	
				Kg	Bao
1	ECD10100K03Q B21	Sợi OE 10/1cone 2.52 lot 03 thiếu ký	Kg	108	4
2	ECD10100K0823 1	Sợi OE 32 , Cone 2.52 , lot 07	Kg	30	1
3	ECD10100K1622 1	Sợi OE 16 lô 08, 7cone	Kg	18	1
4	E VX10165K1123 1	Sợi OE 16W Lô 14	Kg	30	1
5	E VX10140K2223 1	Sợi OE 16W Lô 70 thiếu ký	Kg	121	4
		Tổng cộng		307	11

4.7 Kho vật liệu phụ (Sợi thừa-thiếu phé)

STT	Mặt hàng	Đvt	SL thực tế	
			Kg	Cone
1	Cone sợi phủ cam	Kg	5	2
2	Cone sợi ngôi sao tím	Kg	18	7
3	Cone sợi chấm bi xanh lá	Kg	33	13
4	Cone sợi chấm bi xanh dương	Kg	18	7
5	Cone sợi phủ xanh dương	Kg	3	1
7	Cone sợi chấm bi đỏ	Kg	15	6
8	Cone sợi chấm bi đen	Kg	3	1
9	Cone sợi 10 lô 04	Kg	10	4
10	Cone sợi 16 lô 06 bị móp	Kg	3	1

	Tổng cộng		106	42
--	------------------	--	------------	-----------

4.8 Kho vật liệu phụ

STT	Mã số	Mặt hàng	Đvt	SL thực tế
1	BANGKEODEN7F2	Băng keo màu đen 7F2, 80 yard	Cuộn	8
2	BANGKEOVANG7F2	Băng keo màu vàng 7F2, 80 yard	Cuộn	10
3	BANGKEOXANH DUONG 7F2	Băng keo màu xanh dương 7F2, 80 yard	Cuộn	28
4	BAOPP-65X125	Bao Dệt PP 65 x 125 cm, có in	cái	9.618
5	BAOPP-68X125	Bao Dệt PP 68 x 125 cm, có in	cái	19.332
6	BAOPP-72X119	Bao Dệt PP 72 x 119 cm	cái	1.313
7	BAOPP-75X119	Bao Dệt PP 75 x 119 cm	cái	1.928
8	BAOPP-66X110	Bao dệt PP 66 (7+7) x 110 cm. (80x110)	cái	14.800
9	BAOPP-68X110	Bao dệt PP 68 (7+7) x 110 cm. (82x110)	cái	24.450
10	BAOHD-39X45	Bao HD 39 x 45	kg	100
11	BAOTA	Bao tạ	cái	150
12	DAYNHUA-02	Dây nhựa may bao	kg	32
13	DAYPET	Dây Pet	kg	160
14	DAYPP	Dây PP- Đai	cuộn	31
15	MANGPE	Màng PE	Cuộn	18
16	CONE12/1	Ống cone giấy 60 gram-đen	ống	2.185
17	CONE21/1	Ống cone giấy 60 gram- đỏ	ống	122
18	CONE16/1	Ống cone giấy 60 gram-xanh dương	ống	1.339
19	CONE20/1	Ống cone giấy 60 gram-xanh lá	ống	2.920
20	CONE10/1-CVC	Ống cone giấy 60 gram-cam	Cái	500
21	CONE30/1	Ống cone giấy 60 gram-tím	ống	1,200
22	CONE10/1	Ống cone giấy 60 gram-vàng	ống	2.090

26	SAPVIEN(14*40*60)	Sáp viên (14*40*60)	Kg	115
27	THUNG3L-694734	Thùng 3 lớp (69x47x34cm)	Bộ	1,015
		Tổng cộng		83.464

1.4.9 Kho công cụ, dụng cụ:

STT	Mã số	Mặt hàng	Đvt	SL thực tế
1	AODONGPHUC-CN	Áo đồng phục công nhân	Cái	23
2	AODONGPHUC-VP	Áo đồng phục văn phòng	Cái	4
3	AOTHUN	Áo thun cổ trụ đồng phục nhân viên	cái	47
4	BAOTAY	Bao tay	đôi	5
5	CHOI-01	Chổi bàn chà xơ dừa 0.8m	cái	39
6	GIAY	Giày Asia	đôi	14
		Tổng cộng		132

Theo Chứng thư thẩm định giá số 395/2026/65/CTTĐG ngày 19 tháng 03 năm 2026 Công ty Cổ phần thẩm định giá và Dịch vụ tài chính Quảng Nam thì tổng giá trị tài sản là **154.269.992.068** đồng (Một trăm năm mươi bốn tỷ hai trăm sáu mươi chín triệu chín trăm chín mươi hai nghìn không trăm sáu mươi tám đồng)

(Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có), thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có), lệ phí công chứng, lệ phí trước bạ và các khoản thuế, phí, chi phí khác để chuyển quyền sở hữu tài sản theo quy định và người mua trúng tài sản đấu giá phải chịu thuế giá trị gia tăng).

3. Nơi có tài sản đấu giá: Cụm Công nghiệp Trảng Nhật, phường Điện Thắng Nam, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (Nay là phường An Thắng, thành phố Đà Nẵng).

4. Bước giá: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) là mức chênh lệch giữa lần trả giá đầu tiên so với giá khởi điểm hoặc giữa lần trả giá sau so với lần trả giá trước liền kề.

Giá trả hợp lệ: Người trả giá đầu tiên, giá mà khách hàng trả tối thiểu phải bằng giá khởi điểm; Người trả giá tiếp theo (thứ hai) trở đi, giá mà khách hàng trả phải bằng hoặc cao hơn giá đã trả của người trả giá liền kề trước đó cộng bước giá.

5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Công ty Đấu giá Hợp danh Miền Trung và Tây Nguyên, địa chỉ: số 90 Hải Phòng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

6. Người có tài sản đấu giá: Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng (Khu vực 10) (Địa chỉ: Đường Hồ Xuân Hương, phường Điện Bàn, thành phố Đà Nẵng).

7. Thời gian, địa điểm xem tài sản, mẫu tài sản (nếu có), hồ sơ liên quan:

- Thời gian xem tài sản, mẫu tài sản (nếu có), hồ sơ liên quan: Trong giờ hành chính từ ngày 20/04/2026 đến ngày 24/04/2026.

- Địa điểm xem tài sản: Tại nơi có tài sản đấu giá

- Địa điểm xem hồ sơ pháp lý: Tại Công ty Đấu giá Hợp danh Miền Trung và Tây Nguyên, địa chỉ: số 90 Hải Phòng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

8. Thời hạn; địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ mời tham gia đấu giá:

- Thời hạn bán, tiếp nhận hồ sơ mời tham gia đấu giá: Bắt đầu lúc: 08h00 ngày 02/04/2026; hết hạn lúc: 17h00 ngày 04/05/2026 (Trong giờ hành chính).

- Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ mời tham gia đấu giá: Tại trụ sở làm việc của Công ty Đấu giá hợp danh Miền Trung và Tây Nguyên, địa chỉ: số 90 Hải Phòng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

9. Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước; thời hạn nộp tiền đặt trước:

a) Tiền mua hồ sơ, tiền đặt trước:

- Tiền mua hồ sơ: 1.000.000 đồng/hồ sơ (Một triệu đồng/hồ sơ).

- Tiền đặt trước: 15.400.000.000 đồng (Mười lăm tỷ bốn trăm triệu đồng)

b) Thời hạn nộp tiền đặt trước: Bắt đầu lúc: 08h00 ngày 02/04/2026; hết hạn lúc: 17h00 ngày 04/05/2026 (Trong giờ hành chính).

- Khách hàng tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước vào một trong các tài khoản sau của Công ty Đấu giá hợp danh :

+ Số tài khoản: 2009777789999 tại Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam– Chi nhánh Chợ Mới Nam Đà Nẵng .

+ Số tài khoản: 12226888 tại Ngân hàng Techcombank – Chi nhánh Đà Thành, Đà Nẵng.

10. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

a) Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá: Bắt đầu lúc: 08h00 ngày 02/04/2026; hết hạn lúc: 17h00 ngày 04/5/2026 (Trong giờ hành chính), khách hàng tham gia đấu giá có nhu cầu mua hồ sơ thì đến tại trụ sở làm việc của Tại Công ty Đấu giá Hợp danh Miền Trung và Tây Nguyên, địa chỉ: số 90 Hải Phòng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

b) Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Điều kiện đăng ký tham gia đấu giá: Cá nhân, tổ chức đủ điều kiện tham gia đấu giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản năm 2016 (sửa đổi, bổ sung năm 2024) và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Phiếu đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu do Công ty phát hành (có đóng dấu treo của Công ty, không được sử dụng phiếu phô tô). Khách hàng ghi đầy đủ, cụ thể, chi tiết các nội dung nêu trong phiếu và nộp hồ sơ mời tham gia đấu giá cho Công ty theo quy định.

11. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá: Đấu giá trực tiếp bằng lời nói theo phương thức trả giá lên.

12. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá: Từ 14h30 ngày 07/05/2026 trên Trang thông tin điện tử đấu giá trực tuyến: **taichinhqnamqtc.vn**

** Chi tiết liên hệ: Công ty Đấu giá hợp danh Miền Trung và Tây Nguyên, địa chỉ: số 90 Hải Phòng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.*

Trước khi mở cuộc bán đấu giá 01 ngày làm việc, người phải thi hành án có quyền nhận lại tài sản nếu nộp đủ tiền thi hành án và thanh toán các chi phí thực tế, hợp lý đã phát sinh từ việc cưỡng chế thi hành án, tổ chức bán đấu giá.

Vậy Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng thông báo cho các đương sự biết và tham dự phiên đấu giá tài sản kê biên theo quy định./.

(kèm theo thông báo bán đấu giá số 204/TBBĐG/ĐGMTTN ngày 02/4/2026 của Công ty đấu giá hợp danh Miền Trung và Tây Nguyên)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường An Thắng;
- VKSND KV 10 - ĐN;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Trang TTĐT THADS TP Đà Nẵng;
- Lưu: VT, HSTHA (CHV: Lê Hùng Liêm).

CHẤP HÀNH VIÊN



Lê Hùng Liêm